TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC -TỈNH VĨNH PHÚC

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ H Phúc và ông Hoàng Văn Khảm

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Khu 5 thôn Man Để, xã T H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2021, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Th kết hôn ngày 08/02/2006 có đăng kí kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Trước khi đăng kí kết hôn thì chị và anh Th có chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian, sau khi chị mang thai thì chị và anh Th mới đi đăng kí kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung với mẹ anh Th tại thôn B, xã Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng. Nguyên nhân là do anh Th hay rượu chè, ghen tuông rồi đánh đập

chị nên chị đã phải mang con đi trốn anh Th một thời gian. Đến năm 2010 thì anh Th cũng bỏ vào trong miền Nam làm ăn sinh sống. Anh chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng anh Th nhất quyết không chịu nói cho chị địa chỉ của anh Th. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có một người con chung là cháu Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 27/5/2006 hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, không yêu cầu anh Th phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã làm các thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng anh Th vẫn không đến Tòa án để làm việc, cũng không gửi ý kiến của mình cho Tòa án, nên không có ý kiến trình bày.

* Xác minh tại xã Đ thể hiện: Anh Th và chị H có đăng kí kết hôn tại UBND xã ngày 08/02/2006, anh chị kết hôn lần đầu đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại xã Đ một thời gian, sau đó chuyển đi nơi khác sinh sống. Anh Th chỉ thỉnh thoảng mới về địa phương và ở cùng mẹ là bà Tạ Thị T. Theo địa phương được biết thì anh Th đã đi làm ăn trong miền Nam nhưng địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, do anh Th không khai báo hoặc cung cấp thông tin gì cho địa phương. Anh Th vẫn có hộ khẩu tại thôn B, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc trong hộ nhà bà Tạ Thị T.

Về con chung: Anh Th và chị H có một người con chung là cháu Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 27/5/2006.

* Lời khai của bà Tạ Thị T mẹ anh Th: Anh Hoàng Văn Th sinh ra và lớn lên sinh sống cùng bà tại Thôn B, xã Đ. Đến năm 2006 anh Th kết hôn với chị H, nhưng không nói gì với bà. Sau đó, anh Th và chị H phát sinh mâu thuẫn như thế nào bà cũng không được biết. Anh Th thường xuyên đi làm ăn xa không có ở nhà, qua thông tin của anh em, hàng xóm thì bà được biết anh Th đi làm ở trong miền Nam, còn địa chỉ cụ thể thì không ai biết vì anh Th không nói với ai cả.

* Lời khai của bà Hoàng Thị X: Bà là chị gái cùng cha khác mẹ với anh Th. Năm 2006 anh Th kết hôn với chị Phạm Thị H, sau khi kết hôn anh chị sống tại xã Đ, đến khoảng năm 2007 anh chị có mâu thuẫn. Bà được biết anh Th là người không chỉn chu làm ăn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh Th bỏ vào miền Nam làm ăn còn chị H về nhà bố mẹ đẻ tại xã Tam H. Anh chị đã không chung sống cùng nhau nhiều năm nay. Anh Th vẫn liên lạc với gia đình, việc chị H xin ly hôn bà cũng đã thông báo cho anh Th biết, anh Th cũng đồng ý nhưng anh

không về giải quyết ly hôn được. Hiện tại địa chỉ cụ thể của anh Th như thế nào bà cũng không được biết do anh Th không nói cho bà.

* Lời khai của cháu Hoàng Thị Như Q: Cháu là con của bố Th và mẹ H, bố cháu đã bỏ mẹ con cháu đi vào trong miền Nam làm ăn từ khi cháu còn nhỏ. Bố cháu không về thăm cháu mà chỉ liên hệ với mẹ con cháu qua điện thoại. Thỉnh thoảng bố cháu có gọi điện thoại hỏi thăm sức khỏe và việc học tập của cháu, ngoài ra bố cháu không chu cấp hay mua sắm gì cho cháu cả. Việc mẹ cháu muốn ly hôn với bố cháu thì cháu cũng thấy bố mẹ cháu nói chuyện qua điện thoại, bố cháu cũng nói là mẹ cháu muốn làm gì thì đồng ý theo mẹ cháu nhưng bố cháu sẽ không về. Cháu đang học lớp 9A5 trường Trung học cơ sở T H. Từ khi cháu còn bé, khoảng 4,5 tuổi thì bố cháu đã không còn ở cùng với mẹ con cháu, bố cháu chỉ nói là đang làm ăn ở trong miền Nam còn cụ thể ở đâu thì bố cháu cũng không nói cho mẹ con cháu. Đến nay mẹ cháu muốn ly hôn, cháu đồng ý với ý kiến của mẹ và cũng xin được ở cùng với mẹ, vì bố cháu đã không quan tâm, chăm lo gì đến mẹ con cháu.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, cố tình giấu địa chỉ không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ cH: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Hoàng Văn Th; Về con chung: Chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 27/5/2006, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, hiện anh Th có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng Văn Th nhưng anh Th vẫn không đến Tòa án để làm việc. Anh Th cũng không thông báo cho chính quyền địa phương về việc thay đổi nơi cư trú của mình. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn Th được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh Th không quan tâm gì đến gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi không chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Th nhiều lần, nhưng anh Th vẫn không hợp tác và không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh thể hiện thực tế anh Th là người không có trách nhiệm với gia đình, với vợ và con. Bản thân anh Th không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm, chăm sóc con cái. Anh Th và chị H đã không chung sống cùng nhau nhiều năm. Do đó, hôn nhân của chị H và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh Th là phù hợp.

Về con chung: Chị H và anh Th có một người con chung là cháu Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 27/5/2006 hiện đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu Q cũng muốn ở cùng chị H, do anh Th đã từ lâu không ở cùng với cháu, không quan tâm, chăm sóc cháu. Xét thấy, yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện, nên cần giao cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án anh Th vắng mặt nên không có ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Thị Như Q, sinh ngày 27/5/2006. Anh Hoàng Văn Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001001 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H đã thực hiện xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hưng